

ĐỒ ÁN TỔNG HỢP

I. NHIỆM VỤ THIẾT KẾ QUY HOẠCH, KIẾN TRÚC KHU NHÀ Ở CHO CÔNG NHÂN KHU CN.

1. Tên dự án: KHU NHÀ Ở CHO CÔNG NHÂN KHU CN.
2. Địa điểm xây dựng: Phúc Hưng, phố Núi, Hưng Yên
3. Quy mô công trình:
 - Diện tích khu đất xây dựng khoảng 10.689 m²
 - Mật độ xây dựng $\leq 60\%$, tầng cao ≤ 6 tầng.
 - Cấp công trình: cấp II
 - Cấp chịu lửa: bậc I
4. Yêu cầu về thiết kế công trình:
 - Quy hoạch tổng thể: Tổng mặt bằng quy hoạch chi tiết khu đất tỷ lệ 1/500.
 - + Khu nhà ở cho công nhân S căn hộ từ 38-63 m²/ 1 căn hộ, số lượng căn hộ 300- 350 căn, tầng cao = 6 tầng, mật độ XD $\leq 60\%$.
 - + Khu nhà trẻ mẫu giáo chiếm 15% diện tích khu đất xây dựng.
 - + Khu tiện ích công cộng có thể sử dụng tầng 1 của các đơn nguyên ở hoặc quy hoạch thành một khu tập trung trong khu đất (Diện tích xây dựng < 10% diện tích khu đất)
 - + Còn lại là diện tích dành cho giao thông, cây xanh cảnh quan, sân chơi, sân thể thao, bãi đỗ xe.....
 - Phần công trình : Các đơn nguyên ở tầng 1 không bố trí căn hộ mà chỉ bố trí sảnh, phòng cộng đồng, phòng kỹ thuật, chỗ để xe hoặc các cửa hàng tiện ích .

II. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN ĐỒ ÁN TỔNG HỢP

Bước 1: Đánh giá hiện trạng khu đất xây dựng

1. Diện tích, kích thước các cạnh của khu đất.
2. Điều kiện, địa hình hiện trạng (bằng phẳng, lồi lõm, đồi núi, độ dốc, Vấn đề san lấp ảnh hưởng...)
3. Hướng: Đông, Tây, Nam, Bắc..... giáp đâu? Thuận lợi, khó khăn...Hoa gió
4. Lượng mưa, gió hàng năm.
5. Điều kiện: điện, nước. Cấp điện, cấp nước, thoát nước,....(nếu có)
6. Điều kiện giao thông:
 - Giao thông quan hệ với giao thông thành phố, khu vực
 - Giao thông tiếp giáp khu đất (giao thông chính, phụ,...)
7. Các công trình đã và sẽ xây dựng xung quanh khu đất. Đề cập quan hệ chung toàn khu vực và các quan hệ với các công trình xung quanh trong tương lai.

Bước 2: Số liệu thu thập

1. Ảnh, mặt bằng, mặt cắt, tổng mặt bằng, sơ đồ dây chuyền công năng.... Các loại công trình của loại công trình lựa chọn với quy mô, tính chất tương đương quy mô.
2. Ít nhất sưu tầm 2-3 công trình đã xây dựng thực tế

3. Phân tích so sánh ưu nhược điểm của các công trình đã thu thập về các mặt

3.1 Quy hoạch tổng mặt bằng:

- Phân khu chức năng
- Tổ chức giao thông
- Không gian
- Cảnh quan

3.2 Hình khối kiến trúc:

- Hình thức, hình khối
- Ngôn ngữ và phong cách kiến trúc

3.3 Kết cấu

4. Nhận xét, đánh giá

Bước 3: Nghiên cứu phương án so sánh.

Trong mục này sinh viên cần so sánh lựa chọn phương án thiết kế cho hai phần: Phần quy hoạch tổng mặt bằng và Phần nghiên cứu công trình thiết kế.

1. Phần quy hoạch tổng mặt bằng

Đưa ra 2-3 phương án nghiên cứu tổng mặt bằng, nghiên cứu, nhận xét ưu nhược điểm, đánh giá (như ở mục 3 bước 2) cho từng phương án và kết luận phương án chọn

2. Phần thiết kế công trình cụ thể

Sinh viên tự lựa chọn một công trình nhà ở tiêu biểu trong khu để thiết kế cụ thể với các bước sau:

- Nêu sơ đồ công năng cơ bản của loại công trình nghiên cứu
- Đưa ra 2-3 dạng hình thức mặt bằng, bố cục hình khối, số tầng lựa chọn, hình thức kiến trúc, ... để phân tích so sánh các mặt nêu trên để lựa chọn phương án thiết kế
- Nêu sơ đồ giao thông không gian theo chiều đứng, chiều ngang.
- Nêu sơ đồ và giải pháp kết cấu lựa chọn .

Bước 4: Thiết kế công trình (chọn)

III. QUY CÁCH VÀ KHỐI LƯỢNG THỂ HIỆN

1. Đồ án được thể hiện trên 10-12 Pano (tỷ lệ, bố cục các hình vẽ sinh viên tự chọn).

2. Phương pháp thể hiện: Bảng máy hoặc bảng tay, đen trắng, màu, ... tự chọn.

3. Trình tự sắp xếp các bước nghiên cứu một đồ án (theo hướng dẫn các bước làm đồ án).

4. Thời gian làm bài:

- Từ tuần 32 (ngày 12/03/2018) đến hết tuần 38 (ngày 26/5/2018)
- Tuần 39 – 40 thể hiện

- Nộp bài tại Bộ môn KTDD phòng 401- A1. Thời gian 9h – 10 tại VPBM (ngày 12/5/2018).

Tập trung bảo vệ đồ án thể hiện theo các hội đồng, theo thông báo của bộ môn. Các Pano được chuẩn bị thành các Slide để trình chiếu, sinh viên in 01 bộ A3 nộp cho bộ môn trước khi bảo vệ.

5. Khối lượng thể hiện:

5.1 Phần nghiên cứu , phân tích:

- Bản đồ thành phố hoặc quận huyện, khu vực xây dựng
- Bản đồ hiện trạng khu đất chi tiết (phóng to)
- Số liệu thu thập và phân tích

5.2 Các phương án so sánh tổng mặt bằng và phân tích

5.3 Các phương án so sánh mặt bằng, hình khối kiến trúc công trình và phân tích

- Phương pháp nghiên cứu gắn ý tưởng kiến trúc với tổng mặt bằng và mặt bằng công trình

5.4 QH tổng mặt bằng phương án chọn (TL 1/500) . Bản vẽ quy hoạch chi tiết khu đất (các khối nhà ở, nhà trẻ, khu tiện ích công cộng). Tính toán các chỉ số diện tích:

- Diện tích xây dựng / Diện tích KĐ
- Diện tích giao thông / Diện tích KĐ
- Diện tích sân bãi / Diện tích KĐ
- Diện tích cây xanh / Diện tích KĐ

5.5 Phần thiết kế công trình : Triển khai thiết kế KT một đơn nguyên điển hình + nhà trẻ hoặc một đơn nguyên điển hình + trung tâm các cửa hàng tiện ích (nếu có)

- Mặt bằng các tầng, mặt bằng mái
- 4 mặt đứng từ 4 hướng
- 2-3 mặt cắt chính (chi tiết, hình đủ độ lớn)
- 1 phối cảnh chim bay, 1 phối cảnh với góc nhìn thực tế
- 1-2 phối cảnh nội thất tự chọn
- 1-2 góc nhìn tự chọn với không gian ngoại thất hoặc sân vườn.....

* Ghi chú:

- Sinh viên nhận đề trực tiếp từ các thầy hướng dẫn và làm việc theo lịch yêu cầu của thầy hướng dẫn.